



BẢO HIỂM SỨC KHOẺ BẢO VIỆT AN GIA

Quy tắc bảo hiểm Bảo Việt An Gia ban hành theo QĐ số 6029/QĐ-BHBV ngày 27 tháng 06 năm 2025 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt

1965

Bảo hiểm Bảo Việt thành lập,
là doanh nghiệp bảo hiểm tiên phong
và lâu đời nhất tại Việt Nam

1

Tại Bảo hiểm Bảo Việt,
Khách hàng là số 1

79

Bảo hiểm Bảo Việt có mạng lưới
công ty thành viên rộng khắp
trên cả nước

400 +

Hệ thống văn phòng giao dịch
lớn nhất thị trường, Khách hàng
dễ dàng tiếp cận với các
chương trình bảo hiểm phù hợp

3500 +

Cán bộ nhân viên có trình độ
chuyên môn cao

50000 +

Đại lý và Tư vấn viên
luôn tận tâm, chuyên nghiệp
& sẵn sàng



TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

STT	CHƯƠNG TRÌNH	ĐỒNG	BẠC	VÀNG	BẠCH KIM	KIM CƯƠNG
I	Quyền lợi Chính (Nội trú)	94 triệu/năm	138 triệu/năm	230 triệu/năm	342 triệu/năm	454 triệu/năm
1	Chi phí nằm viện 60 ngày/năm	40 triệu/năm	60 triệu/năm	100 triệu/năm	150 triệu/năm	200 triệu/năm
a b	Tiền phòng, thuốc, bác sỹ Chi phí y tế tổng hợp	2 triệu/ngày	3 triệu/ngày	5 triệu/ngày	7.5 triệu/ngày	10 triệu/ngày
2	Chi phí phẫu thuật:	40 triệu/năm	60 triệu/năm	100 triệu/năm	150 triệu/năm	200 triệu/năm
3	Các chi phí khác					
a	Chi phí trước nhập viện 30 ngày/năm	2 triệu/năm	3 triệu/năm	5 triệu/năm	7.5 triệu/năm	10 triệu/năm
b	Chi phí sau xuất viện 30 ngày/năm	2 triệu/năm	3 triệu/năm	5 triệu/năm	7.5 triệu/năm	10 triệu/năm
c	Trợ cấp nằm viện công 60 ngày/năm	80 nghìn/ngày	120 nghìn/ngày	200 nghìn/ngày	300 nghìn/ngày	400 nghìn/ngày
d	Phục hồi chức năng	4 triệu/năm	6 triệu/năm	10 triệu/năm	15 triệu/năm	20 triệu/năm
e	Dịch vụ xe cứu thương	5 triệu/năm	5 triệu/năm	10 triệu/năm	10 triệu/năm	10 triệu/năm
f	Trợ cấp tử vong điều trị tại viện.	1 triệu/năm	1 triệu/năm	1 triệu/năm	1 triệu/năm	1 triệu/năm
II	QUYỀN LỢI BỔ SUNG	ĐỒNG	BẠC	VÀNG	BẠCH KIM	KIM CƯƠNG
1	Điều trị Ngoại trú	6 triệu/năm	7 triệu/năm	8 triệu/năm	10 triệu/năm	15 triệu/năm
a	Chi phí cho 1 lần khám (10 lần/năm)	1.2 triệu/lần	1.4 triệu/lần	1.6 triệu/lần	2 triệu/lần	3 triệu/lần
b	Vật lý trị liệu tối đa 60 ngày/năm	60 nghìn/ngày	70 nghìn/ngày	80 nghìn/ngày	100 nghìn/ngày	150 nghìn/ngày
2	Tử kỳ do Tai nạn	Lựa chọn tham gia từ 20 triệu đến 1 tỷ đồng	Lựa chọn tham gia từ 20 triệu đến 1 tỷ đồng	Lựa chọn tham gia từ 20 triệu đến 1 tỷ đồng	Lựa chọn tham gia từ 20 triệu đến 1 tỷ đồng	Lựa chọn tham gia từ 20 triệu đến 1 tỷ đồng
3	Tử kỳ do Bệnh	Lựa chọn tham gia từ 20 đến 200 triệu đồng	Lựa chọn tham gia từ 20 đến 300 triệu đồng	Lựa chọn tham gia từ 20 đến 500 triệu đồng	Lựa chọn tham gia từ 20 đến 700 triệu đồng	Lựa chọn tham gia từ 20 triệu đến 1 tỷ đồng
4	Quyền lợi Nha khoa	2 triệu/năm	2 triệu/năm	5 triệu/năm	10 triệu/năm	15 triệu/năm
a	Chi phí cho 1 lần khám	1 triệu/lần	1 triệu/lần	2.5 triệu/lần	5 triệu/lần	7.5 triệu/lần
5	Quyền lợi thai sản	Không áp dụng	21 triệu/năm	21 triệu/năm	21 triệu/năm	31.5 triệu/năm



CHƯƠNG TRÌNH BẢO HIỂM	ĐỒNG	BẠC	VÀNG	BẠCH KIM	KIM CƯƠNG
A. ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM CHÍNH – Điều trị nội trú do ốm bệnh, tai nạn					
• Từ 15 ngày đến dưới tuổi	Không bảo hiểm	Không bảo hiểm	Không bảo hiểm	13.648.000	16.681.000
• Từ 1 đến 3 tuổi	2.973.000	4.264.000	6.459.000	9.099.000	11.121.000
• Từ 4 đến 6 tuổi	1.914.000	2.746.000	4.160.000	5.616.000	6.864.000
• Từ 7 đến 9 tuổi	1.615.000	2.317.000	3.510.000	4.739.000	5.792.000
• Từ 10 đến 30 tuổi	1.445.000	2.073.000	3.140.000	4.423.000	5.406.000
• Từ 31 đến 51 tuổi	1.582.000	2.270.000	3.439.000	4.844.000	5.921.000
• Từ 51 đến 65 tuổi	1.866.000	2.677.000	4.056.000	5.704.000	6.972.000
B. ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM BỔ SUNG					
1. Điều trị ngoại trú	ĐỒNG	BẠC	VÀNG	BẠCH KIM	KIM CƯƠNG
• Từ 15 ngày đến dưới tuổi	Không bảo hiểm	Không bảo hiểm	Không bảo hiểm	9.360.000	14.040.000
• Từ 1 đến 3 tuổi	3.744.000	4.368.000	4.992.000	6.240.000	9.360.000
• Từ 4 đến 6 tuổi	2.496.000	2.912.000	3.328.000	4.160.000	6.240.000
• Từ 7 đến 9 tuổi	2.106.000	2.457.000	2.808.000	3.510.000	5.265.000
• Từ 10 đến 30 tuổi	1.786.000	2.083.000	2.381.000	3.135.000	4.840.000
• Từ 31 đến 50 tuổi	1.956.000	2.282.000	2.608.000	3.433.000	5.301.000
• Từ 51 đến 65 tuổi	2.272.000	2.650.000	3.029.000	4.006.000	6.223.000
2. BH Tai nạn cá nhân	0.1% STBH	0.1% STBH	0.1% STBH	0.1% STBH	0.1% STBH
3. BH Sinh mạng cá nhân	0.25% STBH	0.25% STBH	0.25% STBH	0.25% STBH	0.25% STBH
4. Nha khoa: 1-65 tuổi	545.000	545.000	1.350.000	2.300.000	3.450.000
5. Thai sản: 18-45 tuổi	Không	5.520.000	5.520.000	5.520.000	6.325.000

